TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **287**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Vân Anh
2. Ông Bàn Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05/7/2023 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị D, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Quách Thị D có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nông Văn Đ vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trong Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Quách Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2008, trước khi kết hôn hai bên được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 07/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn 2 (nay là thôn N), xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại tỉnh Thanh Hóa, sau đó đi làm ăn tại các tỉnh miền Nam và sống ly thân với anh Nông Văn Đ từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nông Văn Đ đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Chị và anh Nông Văn Đ có 02 con chung là cháu Nông Thị Thu Tr, sinh ngày 11/4/2008 và cháu Nông Minh T, sinh ngày 01/02/2014. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì các con vẫn sống cùng với chị nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nông Thị Thu Tr và cháu Nông Minh T đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Nông Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Nông Văn Đ không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị D.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và ông Nông Văn L là bố đẻ của bị đơn anh Nông Văn Đ, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị D và anh Nông Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị D, anh Đ về chung sống tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Vợ chồng chị D, anh Đ đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương và người thân thích của anh Nông Văn Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Quách Thị D và anh Nông Văn Đ đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Quách Thị D với anh Nông Văn Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Quách Thị D, anh Nông Văn Đ có 02 con chung là cháu Nông Thị Thu Tr, sinh ngày 11/4/2008 và cháu Nông Minh T, sinh ngày 01/02/2014.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Quách Thị D, anh Nông Văn Đ không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ kết hôn vợ chồng chị Quách Thị D, anh Nông Văn Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó do mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại tỉnh Thanh Hóa còn anh Nông Văn Đ vẫn sinh sống tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian gần đây anh Đ đi làm ăn tại thành phố Hải Phòng, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại. Khi đi làm ăn anh Đ không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng do đó gia đình và địa phương không nắm được hiện tại anh Nông Văn Đ đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào tại thành phố Hải Phòng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh Đ biết về việc chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ và Tòa án triệu tập anh Đ đến làm việc, tuy nhiên anh Đ báo lại là đang bận đi làm ăn xa nên không về để đến Tòa án làm việc được, nhưng anh Đ không thông báo cho gia đình và địa phương biết mình đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào nên gia đình và địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Quách Thị D thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nông Văn Đ chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quách Thị D:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị D được ly hôn với anh Nông Văn Đ.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nông Thị Thu Tr, sinh ngày 11/4/2008 và cháu Nông Minh T, sinh ngày 01/02/2014 cho chị Quách Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Nguyên đơn chị Quách Thị D xác định không có tài sản, đất đai vay nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Quách Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Nông Văn Đ không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Quách Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nông Văn Đ, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn Đ có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Nông Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Quách Thị D đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Nông Văn Đ. Anh Đ đi làm ăn xa nhưng không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh Đ hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Đ đã biết được việc chị D khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đ đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Quách Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quách Thị D thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nông Văn Đ chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị D và anh Nông Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải

kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vãi, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng với anh Nông Văn Đ đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Quách Thị D và anh Nông Văn Đ đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Quách Thị D được ly hôn với anh Nông Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Quách Thị D và anh Nông Văn Đ có 02 con chung là cháu Nông Thị Thu Tr, sinh ngày 11/4/2008 và cháu Nông Minh T, sinh ngày 01/02/2014. Quá trình giải quyết vụ án và trong Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu Nông Thị Thu Tr và cháu Nông Minh T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Các cháu Nông Thị Thu Tr và cháu Nông Minh T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị D. Ngoài ra, hiện tại anh Nông Văn Đ cũng thường xuyên vắng nhà, đi làm ăn xa, không có địa chỉ liên lạc cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả 02 con chung là cháu Nông Thị Thu Tr và cháu Nông Minh T cho chị Quách Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Văn Đ không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Quách Thị D, anh Nông Văn Đ không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Quách Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Nông Văn Đ không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quách Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị D được ly hôn với anh Nông Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Thu Tr, sinh ngày 11/4/2008 và cháu Nông Minh T, sinh ngày 01/02/2014 cho chị Quách Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Quách Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006649, ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận chị Quách Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Nông Văn Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Quách Thị D và bị đơn anh Nông Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã B (Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 07/01/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San